| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN CHÂU**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 164/2024/DS-ST
Ngày 09-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thanh Quốc

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Trần Hữu Tiến;

Ông Phạm Tấn Lợi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Quốc Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Lê Đại Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2024/TLST-DS, ngày 14 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP S (S1); địa chỉ: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*:

1. Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số G N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật (Tổng Giám đốc);

2. Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1978; nơi cư trú: Khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 40/GUQ-PGDGD, ngày 14-3-2024) có đơn xin vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Chị Thị Ma R, sinh năm 1997; nơi cư trú: Tổ F, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Minh C trình bày:*

Ngày 01-8-2019 chị Thị Ma R đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T - P (gọi tắt là Ngân hàng). Căn cứ thu nhập từ lương của chị Ma R đang làm việc tại Công ty L cùng các điều kiện khác nên Ngân hàng đồng ý cấp hạn mức tín dụng dưới dạng thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể:

- Loại thẻ: JCB Jspeedy Credir C1 - Payroll,

- Số thẻ: 356480-7885,

- Số tài khoản thẻ: 3609047042,

- Hạn mức sử dụng: 10.000.000 đồng,

- Ngày đến hạn thanh toán: Ngày 22 hàng tháng,

- Lãi suất lúc phát hành thẻ: 22.40%/năm (1.87%/tháng, lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ và được S1 niêm yết tại www.S1.com.vn

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, chị Ma R đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 20.190.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 22-11-2022 chị Ma R đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 18.183.867 đồng. Từ kỳ thanh toán ngày 22-12-2022 cho đến nay chị Ma R không tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng, do chị Ma R đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại điều kiện thanh toán đã thỏa thuận nên ngày 22-02-2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, tuy nhiên đến ngày 22-3-2023 chị Ma R tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.209.216 đồng và không tiếp tục thanh toán cho đến ngày 09-8-2024 gồm các khoản sau: Dư nợ 9.250.427 đồng; lãi, lãi quá hạn 4.690.254 đồng. Tổng cộng đến nay chị Ma R còn nợ số tiền 13.940.681 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Thị Ma R trả số tiền 13.940.681 đồng và lãi phát sinh sau ngày 09-8-2024 cho đến khi trả xong số nợ theo hợp đồng đã ký.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Thị Ma R đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.*

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Minh C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Thị Ma R là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành

xử vắng mặt anh C, chị Ma R là phù hợp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được Thẩm phán công khai khi giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì chị Thị Ma R có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T - P và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ theo hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu chị Ma R phải trả số tiền nợ gốc 9.250.427 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận hợp đồng, tiền phí theo quy định là có căn cứ chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với chị Thị Ma R về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc chị Thị Ma R có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc 9.250.427 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận hợp đồng, tiền phí theo quy định.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thị Ma R phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Minh C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Thị Ma R là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh C, chị Ma R.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, khi nộp đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP S cung cấp chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Hợp đồng lao động (phô tô); Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Thông báo nhắc nợ (phô tô); Tóm tắt sao kê; Quyết định số 3525/2023/QĐ-PC, ngày 25-12-2023 v/v ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng (phô tô); Quyết định số 3879/2021/QĐ-NS, ngày 21-9-2021 về việc bổ nhiệm nhân sự; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (phô tô); chị Ma R không cung cấp chứng cứ. Các chứng cứ nêu trên đã được Tòa án mở phiên họp công khai và thông báo cho các đương sự trong vụ án biết nhưng không có đương sự nào có ý kiến phản đối nên căn cứ các Điều 91, 92, 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là nguồn chứng cứ dùng để giải quyết vụ án.

[2.1] Xét thấy tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, ngày 01-8-2019 của chị Thị Ma R và được Ngân hàng TMCP S đồng ý cấp hạn mức tín dụng dưới dạng thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân, hai bên thỏa thuận cụ thể: Loại thẻ: JCB Jspeedy Credir C1 – Payroll; số thẻ: 356480-7885; số tài khoản thẻ: 3609047042; hạn mức sử dụng: 10.000.000 đồng, ngày đến hạn thanh toán: Ngày 22 hàng tháng; lãi suất lúc phát hành thẻ: 22.40%/năm (1.87%/tháng) và lãi suất quá hạn. Khi ký kết hợp đồng, hai bên hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng cũng như điều kiện chung trong giao kết hợp đồng cấp thẻ của Ngân hàng nên căn cứ vào các Điều 398, 401, 406 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận giao kết hợp đồng cấp và sử dụng thẻ giữa Ngân hàng TMCP S với chị Thị Ma R là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với số tiền cho vay theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng thì số tiền hạn mức sử dụng 10.000.000 đồng, hình thức thanh toán vào ngày 22 hàng tháng, lãi suất lúc phát hành thẻ 1.87%/tháng, theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì có thỏa thuận về việc chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và các thỏa thuận khác. Do chị Ma R đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 22-02-2023 Ngân hàng TMCP S thông báo chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn đang nợ sang nợ quá hạn. Chị Ma R không có ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng và theo hồ sơ thể hiện chị Ma R đã sử dụng số tiền 20.190.000 đồng do Ngân hàng cấp tín dụng và tiền lãi cùng các phí của số tiền đã sử dụng là 13.143.764 đồng, nhưng chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc, tiền lãi, tiền phí tổng cộng 19.393.083 đồng, sau đó không tiếp tục thanh toán cho đến nay. Do đó có đủ cơ sở khẳng định chị Ma R đã vi phạm các điều, khoản về nghĩa vụ thanh toán đã ký kết với Ngân hàng và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Ma R thanh toán tiền dư nợ gốc 9.250.427 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn, lãi phạt vi phạm, tiền phí đến ngày 09-8-2024 là 4.690.254 đồng, tổng cộng 13.940.681 đồng theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký kết ngày 01-8-2019 là có căn cứ, phù hợp với các Điều 282, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[4] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S với chị Thị Ma R về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc chị Thị Ma R có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S tiền nợ gốc 9.250.427 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn, lãi phạt vi phạm, tiền phí 4.690.254 đồng. Tổng cộng 13.940.681 (mười ba triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm tám mươi một) đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thị Ma R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền mà yêu cầu của Ngân hàng TMCP S được Tòa án chấp nhận, theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 282, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S với chị Thị Ma R về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc chị Thị Ma R có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S tiền nợ gốc 9.250.427 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn, lãi phạt vi phạm, tiền phí 4.690.254 đồng. Tổng cộng 13.940.681 (mười ba triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm tám mươi một) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (09-8-2024), chị Thị Ma R còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng (chị Ma R) vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thị Ma R phải chịu 697.000 (sáu trăm, chín mươi bảy nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 320.000 (ba trăm, hai mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0005995 ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**4.** Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP S, chị Thị Ma R có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Trần Thanh Quốc**